

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2024

ĐVT: Đồng

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<u>Tổng số</u>	<u>4,573,216,000</u>	<u>1,155,804,000</u>	<u>1,125,804,000</u>	<u>1,145,804,000</u>	<u>1,145,804,000</u>
A	<u>Kinh phí tự chủ</u>	<u>4,483,360,000</u>	<u>1,133,340,000</u>	<u>1,103,340,000</u>	<u>1,123,340,000</u>	<u>1,123,340,000</u>
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3,641,580,000</u>	<u>910,395,000</u>	<u>910,395,000</u>	<u>910,395,000</u>	<u>910,395,000</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1,995,292,000	498,823,000	498,823,000	498,823,000	498,823,000
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1,047,180,000	261,795,000	261,795,000	261,795,000	261,795,000
	Mục 6200: Tiền thưởng	15,120,000			15,120,000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	8,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	599,108,000	149,777,000	149,777,000	149,777,000	149,777,000
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân					
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>841,780,000</u>	<u>210,445,000</u>	<u>180,445,000</u>	<u>200,445,000</u>	<u>200,445,000</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	40,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	100,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	23,000,000	5,750,000	5,750,000	5,750,000	5,750,000
	Mục 6650: Hội nghị	20,000,000			20,000,000	
	Mục 6700: Công tác phí	48,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	80,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	250,000,000	62,500,000	62,500,000	62,500,000	62,500,000
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50,000,000	30,000,000			20,000,000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	230,780,000	57,695,000	57,695,000	57,695,000	57,695,000
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		-	-	-	-
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>50,000,000</u>	<u>12,500,000</u>	<u>12,500,000</u>	<u>12,500,000</u>	<u>12,500,000</u>
	Mục 7750: Chi khác	50,000,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000
B	<u>Kinh phí không tự chủ</u>	<u>89,856,000</u>	<u>22,464,000</u>	<u>22,464,000</u>	<u>22,464,000</u>	<u>22,464,000</u>
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>					
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>89,856,000</u>	<u>22,464,000</u>	<u>22,464,000</u>	<u>22,464,000</u>	<u>22,464,000</u>

	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	89,856,000	22,464,000	22,464,000	22,464,000	22,464,000
3	Các khoản chi khác					

KẾ TOÁN



Nguyễn Phương Huyền

HIỆU TRƯỞNG




Bùi Thị Anh